

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TỈNH ĐẮK LẮK    Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2025/HSPT

Ngày 30 - 9 - 2025

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị My My.

*Các Thẩm phán:* 1. Ông Nguyễn Duy Thuần

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 244/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo Trần Hải T và bị cáo Bùi Thị T1 phạm tội “Chứa mại dâm”, do có kháng cáo của các bị cáo Trần Hải T2, Bùi Thị T1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Các bị cáo có kháng cáo:***

**1. Trần Hải T** (tên gọi khác: T4, Cậu C), sinh năm 1970; tại Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk); Chỗ ở hiện nay: Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Buôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Hải S (chết) và bà Nguyễn Thị H (chết); vợ là Bùi Thị T1, sinh năm 1983; có 01 con, sinh năm 2012.

Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024; thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “cấm đi khỏi nơi cư trú”. Bị cáo tại ngoại: Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bùi Thị T1** (tên gọi khác: Mợ T3), sinh ngày 04-8-1983; tại Trà Vinh (nay là tỉnh Vĩnh Long); Nơi ĐKKHKT: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh (nay là ấp T, xã A, tỉnh Vĩnh Long); chỗ ở hiện nay: Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là Buôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn L, sinh năm 1950 và bà Lê Thị N1, sinh năm 1950; chồng tên Trần Hải T, sinh năm 1970, có 01 con, sinh năm 2012.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/12/2024, có mặt tại phiên tòa.

\* *Người bào chữa cho bị cáo T và bị cáo T1:* Ông Ngô Thiên P - Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh P (nay là Đoàn Luật sư tỉnh Đ – Vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2021, vợ chồng Trần Hải T, Bùi Thị T1 mở quán tạp hóa lấy tên Quốc T4, kinh doanh nước giải khát tại nhà, thuộc Buôn N, xã E, huyện S (nay là Buôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk). Từ tháng 8-2024, Võ Thị Trí T5, Trương Ngọc Ly N2 và Đàm Thị H1 làm nghề gái bán dâm đã thỏa thuận với T: khi khách đến quán uống nước, có nhu cầu mua dâm thì T hoặc T1 liên hệ cho T5, N2, H1 đến quán để bán dâm tại bốn phòng trọ, được xây dựng trong khuôn viên quán do vợ chồng T, T1 làm chủ, với giá mua bán dâm 400.000<sup>d</sup>/lượt (Thạch hoặc T1 nhận 100.000<sup>d</sup>) và 1.200.000<sup>d</sup>/đêm (Thạch hoặc T1 nhận 200.000<sup>d</sup>/đêm), thì T, T1 đồng ý. Để thực hiện chứa mại dâm, T điện thoại gọi gái bán dâm đến cho khách, T1 có gọi gái đến bán dâm nhưng chỉ khi T đi vắng và có nhiệm vụ dọn vệ sinh phòng sau khi khách thực hiện xong hành vi mua, bán dâm.

Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 22-12-2024, T liên hệ cho N2 đến quán, thực hiện hành vi mua, bán dâm với 01 nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) tại phòng số 01. Sau khi N2 thực hiện bán dâm xong, T nhận được 100.000<sup>d</sup> như đã thỏa thuận. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, Lê Trường D đến quán T7. Y T6 cùng Lê Mô Y N3 cũng đến quán thỏa thuận mua dâm với T và T1. T1 gọi điện thoại qua ứng dụng Zalo cho N2 để N2 gọi H1, T5 cùng đến quán thực hiện hành vi bán dâm. Trong lúc N2 và D đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 1; H1 và N3 thực hiện hành vi mua bán dâm tại phòng số 3, còn T5 và T6 vừa thực hiện xong hành vi mua, bán dâm tại phòng số 4, đang chờ thanh toán tiền thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện S, tỉnh Phú Yên (cũ) kiểm tra, bắt quả tang. Quá trình điều tra, các bị cáo khai thêm: Ngoài lần phạm tội trên, vợ chồng T, T1 còn có 09 lần khác chứa H1, N2 bán dâm cho khách tại quán, thu lợi bất chính số tiền 900.000<sup>d</sup> (chín trăm nghìn đồng). T và T1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện nộp tiền thu lợi bất chính số tiền 1.000.000<sup>d</sup> (một triệu đồng).

**Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2025/HS-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:**

Tuyên bố các bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 đều phạm tội “Chứa mại dâm”.

Căn cứ điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự.

#### **[1] Về hình phạt:**

Xử phạt: Bị cáo **Trần Hải T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày

25/12/2024.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị T1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22-12-2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, quyền kháng cáo cho các bị cáo, các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/8/2025, bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung bản án sơ thẩm.

**Quá trình tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi, hậu quả của bị cáo và cho rằng:**

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử phạt các bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 về tội "Chứa mại dâm" theo quy định tại điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 – Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2025/HSST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk.

Các bị cáo không bào chữa, tranh luận gì thêm, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận:

Do ý thức coi thường pháp luật, động cơ tư lợi bất chính nên từ tháng 8/2024 đến ngày 22/12/2024, Trần Hải T và Bùi Thị T1 sử dụng quán T8, thuộc B, xã E, huyện S (nay là Buôn N, xã S, tỉnh Đắk Lắk) do mình làm chủ làm địa điểm chứa mại dâm. T và T1 đã 12 lần sử dụng dây phòng trọ (04 phòng) xây trong khuôn viên quán của gia đình để thỏa thuận với Võ Thị Trí T5, Trương Ngọc Ly N2 và Đàm Thị H1 là những người làm nghề bán dâm: Khi có khách đến quán uống nước và có nhu cầu mua dâm, T liên hệ với T5, N2, H1 đến bán dâm tại các phòng trọ. Giá bán dâm là 400.000<sup>d</sup>/lượt (T và T1 nhận 100.000<sup>d</sup>) hoặc 1.200.000<sup>d</sup>/đêm (Thạch và T1 nhận 200.000<sup>d</sup>). Ngoài ra, để thực hiện hành vi chứa mại dâm, T1 còn dọn vệ sinh phòng sau khi khách mua bán dâm, đồng thời trực điện thoại, trao đổi, bố trí phòng và nhận tiền khi T đi vắng. Tổng số tiền thu lợi bất chính của T

và T1 là 1.000.000<sup>d</sup> (một triệu đồng). Do đó, cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 về tội: “Chứa mại dâm” theo điểm c khoản 2 Điều 327 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo của các bị cáo thấy rằng:

Mức hình phạt mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo Trần Hải T 03 năm tù, bị cáo Bùi Thị T1 02 năm tù là đã xem xét áp dụng đúng và đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo cung cấp biên lai nộp tiền phạt bổ sung và nộp án phí. Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm đã áp Điều 54 Bộ luật hình sự xử các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cần giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2025/HS-ST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt đối với các bị cáo.

[3]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 - Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 09/2025/HSST ngày 04/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

**Tuyên bố:** Các bị cáo Trần Hải T và Bùi Thị T1 đều phạm tội “Chứa mại dâm”.

Áp dụng điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 327; điểm t, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo **Trần Hải T 03 (ba) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 22/12/2024 đến ngày 25/12/2024.

- Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị T1 02 (hai) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 22/12/2024.

#### **\* Về hình phạt bổ sung:**

- Phạt bổ sung bị cáo Trần Hải T 10.000.000<sup>d</sup> (mười triệu đồng) nộp một lần vào ngân sách nhà nước. (Được khấu trừ theo biên lai thu số 0000345 ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk)

- Phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị T1 10.000.000<sup>d</sup> (mười triệu đồng) nộp một lần vào ngân sách nhà nước. (Được khấu trừ theo biên lai thu số 0000346 ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk)

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thạch H2 và Bùi Thị T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa phúc thẩm-TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk ;
- Phòng THADS khu vực 15, tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị My My**

